TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 16/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 15-01-2021.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA TỈNH LONG AN

-Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Quyên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đổi.

2. Ông Nguyễn Chí Lin.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kim Cương - là cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa (toạ lạc tại Khu B, thị trấn Hậu Nghĩa) tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1046/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2020 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 387/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Nhã P, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh L (vắng mặt).

Bị đơn: Anh Phạm Trung T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp Z, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2020 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết chị Nguyễn Thị Nhã P trình bày: Chị và anh Phạm Trung T sống với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc. Đến tháng 6 năm 2013 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vả, chị và anh T không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị và anh T sống ly thân từ tháng 6 năm 2013 cho đế nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không

thể hàn gắn nên chị xin ly hôn anh T, vì bận công việc nên chị xin vắng mặt tại các phiên xét xử của Tòa án.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Phạm Trung T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến và không có ý kiến phản hồi về yêu cầu xin ly hôn của chị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Nhã P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Trung T, anh T hiện có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Đ nên Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T đã được tống đạt các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng anh T vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nhã P và anh Phạm Trung T chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân giữa chị P và anh T được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống, chị P và anh T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị P xin ly hôn anh T, anh T không phản hồi ý kiến của chị P.

[3] Xét thấy chị P và anh T chung sống với nhau, phát sinh mâu thuẫn nhưng không được gia đình hai bên và chính quyền địa P giải quyết. Chị P và anh T không tự khắc phục được mâu thuẫn nên để mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, dẫn đến sống ly thân từ tháng 06 năm 2013 cho đến nay. Từ khi sống ly thân tới nay, anh T cũng không tìm ra được biện pháp gì để vợ chồng được đoàn tụ, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa xét xử hôm nay, anh T cũng không đến, không có thiện chí để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Do đó, xét thấy hôn nhân giữa chị P và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không có hạnh phúc, nên chị P xin ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh T.

Con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị P khai không có nên không đề cập đến. Đối với anh T không phản hồi ý kiến yêu cầu xin ly hôn của chị P nên

không thể hiện có tài sản chung và nợ chung. Nếu sau này có tranh chấp, sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Chị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Nhã P đối với anh Phạm Trung T về việc "ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nhã P được ly hôn với anh Phạm Trung T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nhã P chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ nhà nước. Chị P được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006378 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để xin xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND huyện Đức Hòa;
-TAND tỉnh Long An;
-UBND xã Đức Hòa Thượng;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Quyên